UBND TỈNH HÒA BÌNH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1656 /KH-SGD&ĐT

Hòa Bình, ngày 28 tháng 06năm 2022

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2022-2025

Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 24/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (Nghị quyết 08); căn cứ Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 22/04/2022 về việc ban hành Đề án "Chuyển đổi số tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" (Quyết định 785), Sở Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Quán triệt tinh thần Nghị quyết 08 ngày 24/12/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy; các nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hòa Bình tại Quyết định 785 của UBND tỉnh gắn với thực hiện có hiệu quả các các đề án, kế hoạch, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin (CNTT) và chuyển đổi số của ngành.

Thực hiện chuyển đổi số đồng bộ, toàn diện trên phạm vi toàn ngành Giáo dục và Đào tạo Hòa Bình trong quản lý, giảng dạy và học tập phù hợp với tình hình thực tế của ngành, địa phương đồng bộ với Kế hoạch chuyển đổi số của toàn tỉnh.

Từng bước hoàn thiện nền tảng chuyển đổi số của ngành; nâng cao chỉ số về Chính phủ điện tử của ngành giáo dục và đào tạo, góp phần nâng cao chỉ số về Chính phủ điện tử của tỉnh; cùng với các cơ quan, đơn vị liên quan trên địa bàn tỉnh thực hiện thắng lợi mục tiêu chuyển đổi số của toàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Chuyển đổi số trong phương thức tổ chức dạy - học

- Về tiếp cận giáo dục trực tuyến: 80% người học, 100% giáo viên, 100% cơ sở giáo dục có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến.

- Về môi trường giáo dục trực tuyến: ưu tiên triển khai các nền tảng dạy và học trực tuyến là sản phẩm trong nước, được trên 50% người học sử dụng. Hình thành kho học liệu trực tuyến.

- Về quy mô hoạt động giáo dục trực tuyến: tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến đạt trung bình 5% ở bâc tiểu học, 10% ở bậc trung học.

b) Chuyển đổi số trong phương thức quản lý, điều hành

- Về quản trị nhà trường: các cơ sở giáo dục trong tỉnh áp dụng hệ thống quản trị nhà trường dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó:

+ Người học, nhà giáo được quản lý bằng hồ sơ số với số định danh thống nhất toàn quốc.

+ Cơ sở vật chất, thiết bị và nguồn lực khác phục vụ giáo dục, đào tạo được quản lý bằng hồ sơ số.

- Về quản lý giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý toàn ngành giáo dục được thiết lập và vận hành hiệu quả, trong đó:

+ Cơ sở dữ liệu ngành được nâng cấp, hoàn thiện, kết nối thông suốt với các cơ sở giáo dục đảm bảo cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời; được kết nối và chia sẻ hiệu quả với các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, Bộ.

+ Các hoạt động quản lý giáo dục cấp Sở, Phòng được vận hành chủ yếu dựa trên dữ liệu và công nghệ số, trong đó 90% hồ sơ công việc tại Sở, 80% công việc tại cấp phòng và các cơ sở giáo dục được giao dịch và giải quyết trên môi trường số (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Về dịch vụ hỗ trợ người học, người dân:

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

+ Tỉ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 60%.

+ Tỉ lệ người học, phu huynh hài lòng về chất lượng dịch vụ trực tuyến của các cơ sở đạt trung bình 80%.

+ Tỉ lệ tổ chức, cá nhân hài lòng về chất lượng dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan quản lý giáo dục đạt trung bình 80%.

II. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo; triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy – học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet cáp quang

tới tất cả các cơ sở giáo dục; có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ nhà giáo; phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức có chính sách máy tính phù hợp cho học sinh.

2. Phát triển hệ sinh thái chuyển đổi số trong hoạt động dạy, học, kiểm tra, đánh giá và nghiên cứu khoa học

a) Đổi mới mô hình dạy – học

- Triển khai thí điểm các mô hình dạy – học tiên tiến trên nền tảng số theo hướng dạy học kết hợp (lớp học thông minh, nhóm học tương tác, tự học với trợ lý ảo) tại một số cơ sở giáo dục đủ điều kiện.

- Phối hợp với các doanh nghiệp, tổ chức lớn có thế mạnh về công nghệ số, ưu tiên doanh nghiệp và tổ chức có trụ sở trên địa bàn tỉnh triển khai một số nền tảng dạy và học trực tuyến.

b) Phát triển kho học liệu số chia sẻ dùng chung

- Phát triển kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành giáo dục, gồm bài giảng điện tử, bài dạy trên truyền hình, học liệu đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến cho các môn học giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

- Xây dựng, triển khai thư viện điện tử trong các cơ sở giáo dục phổ thông; cổng thư viện số kết nối liên thông với kho học liệu số.

c) Phát triển, ứng dụng các nền tảng số phục vụ dạy – học

- Ứng dụng nền tảng số dạy và học trực tuyến hỗ trợ học tập cá thể hóa và tăng cường trải nghiệm;

- Tăng cường kiểm tra, thi trên máy tính và thi trực tuyến; kết nối nền tảng dạy học trực tuyến với nền tảng quản trị nhà trường và mạng IoT, thiết lập hệ sinh thái chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục.

3. Triển khai đồng bộ hệ thống thông tin quản lý và cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

a) Đổi mới mô hình, quy trình quản lý, cải cách mạnh mẽ thủ tục hành chính

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng giúp ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Tích hợp hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động).

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin quản lý giáo dục và đào tạo

- Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở dữ liệu của ngành (bao gồm cơ sở dữ liệu về người học, đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, kiểm định chất lượng giáo dục, quản trị văn phòng điện tử và các hoạt động giáo dục, đào tạo khác) đảm bảo phục vụ tất cả cơ quan quản lý giáo dục.

- Triển khai hệ thống tuyển sinh đầu cấp

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành giáo dục, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các cơ sở giáo dục, phòng, sở đến Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết nối dữ liệu ngành giáo dục với cơ sở dữ liệu chung toàn tỉnh phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra và thanh tra…

- Triển khai trung tâm điều hành, giám sát thông tin ở cơ quan quản lý giáo dục và trường học, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn hỗ trợ hoạt động quản lý giáo dục.

c) Triển khai các ứng dụng, nền tảng số phục vụ quản trị các cơ sở giáo dục

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% cơ sở giáo dục nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo, nhân viên và người học; đảm bảo kết nối liên thông.

- Trên nền tảng cơ sở dữ liệu, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa gia đình và nhà trường, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành; triển khai mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

d) Xây dựng môi trường số kết nối

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trục tích hợp, liên thông dữ liệu của tỉnh; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học.

a) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo đến toàn thể đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học trong toàn ngành giáo dục và xã hội;

b) Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học đảm bảo quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn nâng cao năng lực đội ngũ phụ trách ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số cơ sở giáo dục có điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyển đổi số; triển khai

hệ thống bồi dưỡng giáo viên đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu;

c) Phát triển tư duy lập trình, triển khai các chương trình về khoa học máy tính phù hợp; đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Huy động các nguồn lực tham gia ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo

a) Đẩy mạng hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức và hiệp hội về công nghệ thông tin trong và ngoài nước để giới thiệu các giải pháp công nghệ tiên tiến áp dụng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

b) Thu hút nguồn vốn của doanh nghiệp thông qua hình thức đối tác công tư (PPP) để đầu tư xây dựng các nền tảng số và ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo, ưu tiên cho phát triển hệ thống ngân hàng câu hỏi trực tuyến, hệ thống học tập trực tuyến, kho học liệu số dùng chung, cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

c) Hợp tác với các doanh nghiệp sản xuất, phân phối trang thiết bị số để hỗ trợ, ưu đãi cung cấp sản phẩm công nghệ thông tin cơ bản (máy tính, máy tính xách tay, máy tính bảng) tích hợp các phần mềm ứng dụng và tính năng an toàn, bảo mật cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên và người học phục vụ hoạt động dạy - học trong các nhà trường.

6. Xây dựng, hoàn thiện quy chế, quy chuẩn; nâng cao hiệu lực quản lý về chuyển đổi số trong ngành giáo dục

a) Rà soát, ban hành các văn bản hướng dẫn về chuyển đổi số trong các hoạt động dạy học, quản trị cơ sở giáo dục, quản lý giáo dục như: các quy chuẩn, quy định về kết nối, liên thông dữ liệu giữa các phần mềm trong ngành giáo dục; các quy định về quản lý, thu thập dữ liệu giáo dục; các quy định về quản lý và sử dụng hồ sơ điện tử trong các nhà trường; đề xuất cơ chế tài chính, cơ chế thuê dịch vụ cho các sản phẩm dịch vụ giáo dục số; hướng dẫn, quy định về xác thực điện tử trong ngành giáo dục.

b) Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục; tổ chức đánh giá, công bố chỉ số chuyển đổi số với cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý giáo dục trên phương tiện thông tin đại chúng.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Dự kiến nhu cầu kinh phí thực hiện Kế hoạch giai đoạn 2022 – 2025:

- Tổng nhu cầu kinh phí dự kiến 30 tỷ đồng (*Ba mươi tỷ đồng)*

(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Giao Phòng Kế hoạch tài chính làm đơn vị đầu mối theo dõi, tham mưu Lãnh đạo Sở GD&ĐT chỉ đạo, tổ chức triển khai các nội dung tại Kế hoạch này.

b) Các phòng thuộc Sở GD&ĐT căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các nội dung đã xác định theo Kế hoạch, hàng tháng báo cáo Lãnh đạo Sở tại Hội nghị giao ban của cơ quan để kịp thời đề xuất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đồng thời phát hiện những ý tưởng, giải pháp đổi mới, sáng tạo để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Chủ động phối hợp chặt chẽ với Văn phòng, các đơn vị liên quan để tổ chức, triển khai đầy đủ các nhiệm vụ bảo đảm mục tiêu, thời gian, lộ trình đã xác định.

2. Các phòng GD&ĐT và các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT

Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã được xác định tại Kế hoạch này; theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất UBND huyện, thành phố xây dựng hoặc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số của địa phương, của đơn vị, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch của ngành. Chủ động lựa chọn các giải pháp triển khai, tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn, phát huy tính chủ động, sáng tạo; phối hợp chặt chẽ với bộ phận tham mưu của Sở để kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện kế hoạch.

Chủ động đề xuất nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số của ngành, đơn vị; chủ động đề xuất, triển khai các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị; bảo đảm bố trí tối thiểu 2% nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số tại mỗi đơn vị.

7. Chế độ thông tin báo cáo

Trưởng các phòng thuộc Sở GD&ĐT định kỳ báo cáo tại cuộc họp giao ban hàng tháng và khi có yêu cầu của Lãnh đạo Sở GD&ĐT.

Trưởng phòng GD&ĐT các huyện, thành phố, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT chịu trách nhiệm báo cáo các nội dung có liên quan theo Kế hoạch này trước ngày 20/12 hàng năm.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chuyển đổi số ngành Giáo dục tỉnh Hòa Bình giai đoạn 2022-2025. Trong quá trình thực hiện, mọi khó khăn, vướng mắc, các đơn vị trao đổi về Sở GD&ĐT (qua Tổ Công nghệ thông tin) để phối hợp, tháo gỡ./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (*Để báo cáo)*
- UBND tỉnh (để báo cáo)*;*
- Giám đốc, các Phó Giám đốc;
- Sở Thông tin và truyền thông (để phối hợp)*;*
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng GD&ĐT các huyện, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Sở GD&ĐT;
- Website ngành;
- Lưu VT, KHTC (NL.05).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH HÒA BÌNH

Bùi Thị Kim Tuyến

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN DỰ KIẾN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2022-2025

(Kèm theo Kế hoạch số 1656 /KH-SGD&ĐT ngày 28/06/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Sản phẩm dịch vụ	Đơn vị chỉ trì	Đơn vị phối hợp	Dự kiến thời gian triển khai	Kinh phí dự kiến		Ghi chú
					Nguồn đầu tư phát triển	Nguồn chi thường xuyên	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành giáo dục và đào tạo, kết nối với cơ sở dữ liệu ngành của Bộ GDĐT.	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các CSGD	2022-2023	5,200		
2	Hệ thống phục vụ công tác tuyển sinh đầu cấp	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các CSGD	2022-2023	1.500		
3	Triển khai hệ thống hồ sơ quản lý giáo dục điện tử (sổ điểm, học bạ điện tử…) kèm chữ ký số cho cán bộ Sở, phòng giáo dục, Ban giám hiệu, giáo viên…	Sở, Phòng, các trường học		2022-2023	3,200		
4	Xây dựng hệ thống hỗ trợ kiểm định chất lượng giáo dục, liên thông với CSDL dùng chung	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các CSGD	2022-2023	3,300		

5	Nền tảng học tập và thi trực tuyến e-learning đáp ứng yêu cầu	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các CSGD	2022-2023	4,000		
6	Xây dựng kho học liệu (ngân hàng câu hỏi, sách giáo khoa điện tử..) phục vụ các cấp học	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các CSGD	2022-2023	4,800		
7	Xây dựng Trung tâm điều hành Giáo dục thông minh	Sở GD&ĐT	Văn phòng Sở GD&ĐT	2022-2023	3.000		
8	Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, đào tạo bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các CSGD	2022-2023		300	
9	Thực hiện nâng cấp phát triển hạ tầng: máy tính, máy chiếu, phòng tin học cho các trường.	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các CSGD	2022-2023		2,200	
10	Xây dựng hệ thống ATTT đảm bảo trong quá trình sử dụng trong suốt.	Sở GD&ĐT	Phòng GD&ĐT, các đơn vị trực thuộc Sở, các CSGD	2022-2023		2,500	
Cộng					**25,000**	**5,000**	